

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HS-ST
Ngày 19-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hữu Trung**.
2. Ông **Lưu Xuân Giới**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Cường**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Hường** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/HSST-QĐ ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Mạnh T**, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1999, tại Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 8, khu Q, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Trần Văn T; Sinh năm 1968 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N; Sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt từ ngày 24/6/2019, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đông Triều.

**** Người bị hại:***

1/ Ngô Đình P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2/ Anh Vũ Xuân N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Đội 7, xã C, huyện S, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Phạm T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ NLQ1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn S, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

2/ NLQ2, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn Xuân Quang, xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3/ NLQ3, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Quế Lạt, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4/ NLQ4, sinh năm 1984; Địa chỉ: Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

5/ NLQ5; Địa chỉ: Xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1/ NLC1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Xóm 7, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2/ NLC2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu Gia Mô, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

3/ NLC3, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ 10, khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

4/ NLC4, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 4, khu Vĩnh Quang 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

5/ NLC5, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 8, khu Quang Trung, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 04/6/2019, Trần Mạnh T đi bộ qua khu vực đóc 2000 thuộc khu Vĩnh Sơn, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, phát hiện thấy anh Vũ Xuân N, sinh năm 1978, trú tại đội 7, xã C, huyện S, tỉnh Phú Thọ có dựng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 14T3 - 0230 (chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa) sau đó anh N đi bộ sang bên kia đường để đứng nói chuyện với anh NLC3, sinh năm 1953, trú tại tổ 10, khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều. T quan sát không có ai để ý nên nảy sinh ý định trộm cắp xe. Sau đó, T đi lại gần chiếc xe ngồi lên yên xe bật chìa khóa điện khởi động rồi điều khiển xe đến nhà NLQ1, sinh năm 1992, trú tại thôn Đức Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều để cầm cố, T nói xe của mẹ T mua cho T và hẹn 10 ngày sau sẽ đến chuộc lại xe, H đồng ý cầm cố và cho T vay 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Quá hạn không thấy T đến lấy lại xe, nên ngày 19/6/2019 NLQ1 đã bán lại chiếc xe trên cho NLQ3, sinh năm 1986, trú tại thôn Quế Lạt, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Đến ngày 24/6/2019, NLQ3 đã tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Tiếp đó, khoảng 21 giờ 20 ngày 05/6/2019, Trần Mạnh T cùng Trần Đức H, sinh năm 1997, trú tại thôn S, xã Y, thị xã Đ đi xe taxi đến cửa hàng mua bán điện thoại TH Mobile ở khu H, phường M, thị xã Đ, do anh Ngô Đình P, sinh năm 1981 làm chủ, để lấy điện thoại di động đã gửi để sửa nhưng thấy anh P nói không sửa được nên một mình T quay vào quán bán chiếc điện thoại hỏng trên cho anh P. Trong lúc vào bán điện thoại, thấy NLC1, sinh năm 1997, trú tại xóm 7, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nhân viên của cửa hàng) có dựng 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14Z1- 373.38 (xe của anh P) ở trước cửa quán và để chìa khóa xe ở trên nóc tủ giày kê ở sát cửa ra vào quán, rồi đi vào phía trong nhà nên khi từ trong cửa hàng đi ra, T đã lấy chùm chìa khóa trên giấu vào túi quần rồi đi ra đưa tiền bán điện thoại cho H sau đó H bỏ đi, còn T ở lại quan sát, thấy không có người để ý đã đến cạnh chiếc xe Wave, biển kiểm soát 14Z1 - 373.38 của anh P và dùng chìa khóa vừa cất giấu trong túi mở khóa điện rồi nổ máy xe điều khiển sang thành phố Hải Phòng chơi. Đến chiều ngày 06/6/2019, T đem chiếc xe trên đến cửa hàng mua bán xe mô tô của NLQ4, sinh năm 1984, trú tại Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, thành phố Hải Phòng nói là xe của T mua trả góp nên chưa có giấy tờ cần bán, hẹn 10/6/2019 sẽ giao giấy tờ xe và có để lại phô tô chứng minh nhân dân nên anh H đã đồng ý mua xe với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), T cầm tiền sử dụng hết, đến ngày 24/6/2019, T bị bắt giữ, cùng ngày anh NLQ4 đã tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra còn làm rõ: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/6/2019, trong khi đang ngồi chơi ở phòng trọ của bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ của T, hiện đang thuê tại khu nhà trọ của anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1981 ở thôn G, thị trấn Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang) thì thấy anh Nguyễn Phạm T, sinh năm 1976 trú tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang (chở chị Ôn Thị B) đi đến khu vực nhà trọ của anh B để tìm thuê phòng trọ, anh T có dựng 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển kiểm soát 98N4 - 2094 ở sân trước cửa nhà anh B (chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện) để đi xem phòng trọ. Thấy sơ hở, T liền đến ngồi lên yên xe rồi mở khóa điện điều khiển xe đến quán gửi xe của bà Dương Thị N, sinh năm 1953, ở thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang gửi, rồi đi bộ ra thuê xe taxi của anh Hoàng Văn M, sinh năm 1974, trú tại thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang và chỉ chỗ cho anh M đón bà N về. Sau đó, T quay lại chỗ bà N lấy xe mô tô vừa trộm cắp được đem về nhà của Trần Đức H và nhờ đem đi cầm cố, sau đó H đưa cho T 2.000.000đ (Hai triệu đồng), T và H cùng nhau ăn tiêu hết số tiền trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33 ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và Bản kết luận ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14T3- 0230 trị giá 5.000.000đ; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14Z1- 373.38 trị giá 12.000.000đ; Xe mô tô nhãn hiệu Honda loại

Dream, biển kiểm soát 98N4 - 2094 có giá là 3.150.000đ. Tổng trị giá tài sản Trần Mạnh T chiếm đoạt là 20.150.000đ (*Hai mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngày 02/9/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14T3-0230 và xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 14Z1-373.38 cho anh Vũ Xuân N và Ngô Đình P, nay anh N và anh P không yêu cầu bồi thường gì thêm. Riêng chiếc xe của anh Nguyễn Mạnh T hiện vẫn chưa thu hồi được, anh T yêu cầu T phải bồi thường số tiền 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*).

Quá trình điều tra bị can Trần Mạnh T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 95/CT-VKS-ĐH ngày 23 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Trần Mạnh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 24/6/2019; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Mạnh T số tiền 3.150.000 đồng, truy thu 6.000.000 đồng thu lợi bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Đông Triều và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra đều hợp pháp và đúng trình tự tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Mạnh T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Kết hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng... và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Sơ đồ, bản ảnh hiện trường; biên bản định giá tài sản, kết luận giám định... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

*Trong các ngày 04, 05/6/2019 và ngày 11/6/2019, tại khu V, khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và thôn G, thị trấn Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang, Trần Mạnh T đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp 03 (ba) chiếc xe mô tô, gồm xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14T3- 0230 trị giá 5.000.000đ của anh Vũ Xuân N; Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 14Z1-373.38 trị giá 12.000.000đ của anh Ngô Đình P và xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, biển kiểm soát 98N4 - 2094 trị giá 3.150.000đ của anh Nguyễn Phạm T. Tổng trị giá tài sản T trộm cắp là 20.150.000đ (*Hai**

mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) sau đó đem bán cho người khác lấy tiền sử dụng

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Mạnh T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được Nhà nước và pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu của các phương tiện xe mô tô, Bị cáo lén lút lén vào để trộm cắp, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 20.150.000đ. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm, việc đưa ra xét xử công khai là cần thiết.

[4] Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”.

[5] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều và quan điểm của kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa truy tố bị cáo ra xét xử trước Tòa án theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan, cần chấp nhận. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai và áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra là cần thiết.

[6] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo liên tục thực hiện 3 vụ trộm cắp trong thời gian ngắn (Giá trị tài sản mỗi lần đều lớn hơn 2.000.000 đồng) nên phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo ý nghĩa giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

+ Anh Vũ Xuân N và anh Ngô Đình P đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên HĐXX không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, số tiền cầm cố và bán những tài sản này bị cáo đã sử dụng hết. Đó là số tiền bị cáo thu lợi bất chính, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, cần truy thu để sung ngân sách nhà nước.

+ Anh Nguyễn Mạnh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho mình 15.000.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N4-2094 bị cáo đã trộm cắp. Nhưng theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xác định: giá trị thực của xe là 3.150.000đ. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần căn cứ vào giá trị thực của tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt để quyết định giá trị bồi thường là có căn cứ pháp luật.

[9] Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14T3 0230 và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14Z1 37338 đã được trả lại cho người chủ sở hữu hợp pháp, HĐXX không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác:

Ngoài các hành vi nêu trên, đầu tháng 5 năm 2019, Trần Mạnh T có hành vi trộm cắp 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen biển kiểm soát 14T6 - 1987 tại nhà nghỉ TL thuộc khu dân cư B - T, phường C, thành phố L, tỉnh Hải Dương, cơ quan điều tra Công an thị xã Đông Triều đã chuyển nguồn tin và vật chứng của vụ việc trên đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương để khởi tố, điều tra theo thẩm quyền. Hiện vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố Chí Linh giải quyết xong ở giai đoạn sơ thẩm (*bản án chưa có hiệu lực pháp luật*).

Trong vụ án có NLQ1 là người đã cầm cố xe chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14T3-0230 cho Thắng, nhưng NLQ1 khai không biết xe do T phạm tội mà có, Công an thị xã Đông Triều đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Đối với Trần Đức H, theo lời khai của T là người trực tiếp mang chiếc xe mô tô BKS 98N4 - 2094 do T phạm tội mà có đi tiêu thụ, hiện H vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với NLQ4 là người đã mua xe chiếc xe mô tô BKS 14Z1 - 373.38 của T, nhưng do không biết tài sản do T phạm tội mà có, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Theo lời khai của NLQ4, khi bán xe, T đi cùng với một người phụ nữ giới thiệu là mẹ của T và người này xác nhận xe mua trả góp nên NLQ4 mới tin tưởng mua xe. Quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị N có tham gia đi cùng T khi tiêu thụ chiếc xe nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Mạnh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T 21 (*hai một*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 24/6/2019.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Mạnh T phải bồi thường cho anh Nguyễn Phạm T số tiền 3.150.000 đồng.

Truy thu của bị cáo Trần Mạnh T số tiền 6.000.000 đ (*sáu triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Buộc Trần Mạnh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan THA hình sự, Nhà tạm giữ - Công an thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều; Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Bình